

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 09 tháng 8 năm 2024 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 55/2023/TLST-DS ngày 13 tháng 7 năm 2023.

Căn cứ vào Thông báo kết quả hòa giải số 74/TB-TA và Phiếu báo phát gửi cho Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q và ông Phạm Văn Đ, anh Phạm T, chị Phạm Thị T1, chị Nguyễn Thị V, chị Nguyễn Thị V1, chị Nguyễn Thị V2 và anh Nguyễn Thanh V3 (các đương sự ký nhận ngày 10/8/2024).

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Võ Thị H – sinh năm 1968; cư trú tại xóm K, thôn T, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Võ Thị H: Bà Hoàng Đông T2 – sinh năm 1995 và bà Lê Thị T3 – sinh năm 1990; địa chỉ liên hệ: P, Tòa nhà V, số A đường Đ, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (theo văn bản ủy quyền lập ngày 05/9/2023).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Võ Thị H: Ông Nguyễn Quốc C và Nguyễn Thị Mỹ H1 – Luật sư Công ty L4, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H; địa chỉ: P Tòa nhà T, số A đường Đ, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn L – sinh năm 1951; cư trú tại xóm K, thôn T, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn L: Bà Nguyễn Thị P – sinh năm 1967; cư trú tại xóm K, thôn M, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi (theo văn bản ủy quyền ngày 14/3/2024).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Ông Nguyễn Đ1 – sinh năm 1955; cư trú tại xóm K, thôn T, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

2/ Bà Nguyễn Thị P – sinh năm 1967; cư trú tại xóm K, thôn M, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

3/ Bà Nguyễn Thị É – sinh năm 1958; cư trú tại xóm K, thôn C, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

4/ Chị Nguyễn Thị V – sinh năm 1988; cư trú tại xóm K, thôn T, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

5/ Chị Nguyễn Thị V1 – sinh năm 1991;

6/ Chị Nguyễn Thị V2 – sinh năm 1996;

7/ Anh Nguyễn Thành V4 – sinh năm 2003;

Cùng cư trú tại xóm K, thôn T, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

8/ Ông Phạm Văn Đ – sinh năm 1957;

9/ Anh Phạm T – sinh năm 1984;

10/ Chị Phạm Thị T1 – sinh năm 2005;

Cùng cư trú tại xóm K, thôn T, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

11/ Bà Đỗ Thị A – sinh năm 1950;

12/ Anh Nguyễn Văn X (tên gọi khác L1) – sinh năm 1975.

Cùng cư trú tại xóm K, thôn T, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

13/ Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q; địa chỉ: Số A đường H, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đức T4 – Chức vụ: Quyền giám đốc.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Xác định di sản thừa kế của cụ Nguyễn L2, cụ Trương Thị M là diện tích 240,1m² đất (trong đó có 130m² đất ở và 110,1m² đất trồng cây hàng năm khác), thuộc một phần thửa đất số 137, tờ bản đồ số 38, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, có giới cận: Phía Đông giáp đường đi; phía Tây giáp phần diện tích còn lại của thửa đất số 137, tờ bản đồ số 38, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; phía Nam giáp thửa đất số 140, tờ bản đồ số 38, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; phía Bắc giáp đường đất.

2.2 Hàng thừa kế thứ nhất theo pháp luật của cụ Nguyễn L2 (chết năm 2005) và cụ Trương Thị M (chết năm 2018) gồm: Ông Nguyễn Đ1; ông Nguyễn L; bà Nguyễn Thị P; bà Nguyễn Thị É; bà Nguyễn Thị N (chết năm 2009 có chồng là ông Phạm Văn Đ và các con là anh Phạm T và chị Phạm Thị T1); ông Nguyễn L3 (chết

năm 2014 có vợ là bà Võ Thị H và các con là các anh, chị Nguyễn Thị V, Nguyễn Thị V1, Nguyễn Thị V2, Nguyễn Thành V4).

2.3. Cụ Nguyễn L2 và cụ Trương Thị M chết không để lại di chúc nên di sản của cụ L2, cụ M được chia theo quy định của pháp luật.

2.4. Ông Phạm Văn Đ và các con là anh Phạm T, chị Phạm Thị T1 đồng ý tặng cho kỹ phần thừa kế mà bà N được hưởng của cụ L2, cụ M trong diện tích đất 240,1m² thuộc một phần thửa đất số 137, tờ bản đồ số 38, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi cho bà Võ Thị H được trọn quyền quản lý, sử dụng và định đoạt. Bà Võ Thị H đồng ý nhận kỹ phần được cho.

2.5. Chị Nguyễn Thị V, chị Nguyễn Thị V1, chị Nguyễn Thị V2, anh Nguyễn Thành V4 đồng ý tặng cho kỹ phần thừa kế mà ông L3 được hưởng của cụ L2, cụ M trong diện tích đất 240,1m² thuộc một phần thửa đất số 137, tờ bản đồ số 38, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi cho bà Võ Thị H được trọn quyền quản lý, sử dụng và định đoạt. Bà Võ Thị H đồng ý nhận kỹ phần được cho.

2.6. Ông Nguyễn Đ1, bà Nguyễn Thị P, bà Nguyễn Thị É đồng ý tặng cho kỹ phần thừa kế được hưởng của cụ L2, cụ M trong diện tích đất 240,1m² thuộc một phần thửa đất số 137, tờ bản đồ số 38, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi cho ông Nguyễn L được trọn quyền quản lý, sử dụng và định đoạt. Ông Nguyễn L đồng ý nhận kỹ phần được cho.

2.7. Chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn L2 và cụ Trương Thị M có diện tích là 240,1m² (trong đó có 130m² đất ở và 110,1m² đất trồng cây hàng năm khác), thuộc một phần thửa đất số 137, tờ bản đồ số 38, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi như sau:

2.7.1. Giao phần đất có diện tích 100m² (trong đó có 54,2m² đất ở và 45,8m² đất trồng cây hàng năm khác) (ký hiệu là A được giới hạn bởi các điểm 2-3-4-5-6-10-9-2) trong phần diện tích đất 240,1m² thuộc một phần thửa đất số 137, tờ bản đồ số 38, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi cho ông Nguyễn L quản lý, sở hữu, sử dụng. Ông L được quyền sở hữu, sử dụng các vật kiến trúc, cây trồng gắn liền với phần đất có diện tích 100m² (ký hiệu là A).

(Phần đất ông Nguyễn L được quyền quản lý, sử dụng có sơ đồ bản vẽ kèm theo và là một bộ phận không thể tách rời của quyết định này).

2.7.2. Giao phần đất có diện tích 140,1m² (trong đó có 75,8m² đất ở và 64,3m² đất trồng cây hàng năm khác) (ký hiệu là B được giới hạn bởi các điểm 1-2-9-10-6-7-8-1) trong phần diện tích đất 240,1m² thuộc một phần thửa đất số 137, tờ bản đồ số 38, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi cho bà Võ Thị H quản lý, sở hữu, sử dụng.

Tài sản (vật kiến trúc, cây lâu năm, cây ngắn ngày) gắn liền với phần đất giao cho bà Võ Thị H (ký hiệu B) là của ông L. Bà H phải thanh toán lại giá trị các tài sản gắn liền với đất gồm: Một phần hồ cá (diện tích 7,0m², chiều cao 0,86m, khối lượng 6,02m³) có giá trị 3.882.900 đồng; một phần mái hiên phủ bạc diện tích 10,2m², có giá trị 520.000 đồng (*Năm trăm hai mươi nghìn đồng*); tường rào lưới B40 diện tích

10m², có giá trị 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*) và các cây trồng trên đất gồm: (03 cây mai, 01 cây lộc vừng, 01 cây đu đủ, 01 cây khế, 01 cây xoài và 02 cây bơ) có giá trị 1.940.000 đồng (*Một triệu chín trăm bốn mươi nghìn đồng*), tổng cộng 7.342.900 đồng (*Bảy triệu ba trăm bốn mươi hai nghìn đồng chín trăm đồng*) cho ông L theo biên bản định giá tài sản ngày 16/11/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi; bà H được quyền sở hữu toàn bộ tài sản mà bà đã thanh toán giá trị cho ông L.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Bà H được quyền sở hữu, sử dụng các vật kiến trúc, cây trồng gắn liền với phần đất có diện tích 140,1m² (ký hiệu là B).

(Phần đất bà Võ Thị H được quyền quản lý, sử dụng có sơ đồ bản vẽ kèm theo và là một bộ phận không thể tách rời của quyết định này).

2.8. Các đương sự có trách nhiệm đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục điều chỉnh, đăng ký kê khai quyền sử dụng đất theo qui định của pháp luật.

2.9. Chi phí tố tụng khác: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo vẽ và định giá tài sản tổng cộng là 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*). Bà Võ Thị H và ông Nguyễn L thống nhất thỏa thuận bà H chịu 7.000.000 đồng (*Bảy triệu đồng*), ông L chịu 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*). Bà H đã nộp tạm ứng và đã chi phí xong nên ông L phải hoàn trả cho bà H số tiền 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2.10. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn L là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Võ Thị H phải chịu 1.260.175 đồng (*Một triệu hai trăm sáu mươi nghìn một trăm bảy mươi lăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà bà H đã nộp là 357.000 đồng (*Ba trăm năm mươi bảy nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006098 ngày 10/7/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi. Bà Võ Thị H còn phải nộp 903.175 đồng (*Chín trăm lẻ ba nghìn một trăm bảy mươi lăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

2.11 Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành CM 864661, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS11857 đối với thửa đất số 137, tờ bản đồ số 38, diện tích 730,5m² tại xóm K, thôn T, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp ngày 30/12/2017 cho hộ ông Nguyễn L.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Đức Dũng